

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN**

#SoKyHieuVanBan

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#DiaDiemNgayBanHanh

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng NN&PTNT huyện,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (B/c);
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Mặt trận và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- UBND xã, thị trấn;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN QUẾ SƠN                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số        /QĐ-UBND ngày        /3/2022 của UBND huyện Quế Sơn)*

Để triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, UBND huyện Quế Sơn ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện với các nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò, định hướng, nội dung, nhiệm vụ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững trong giai đoạn mới; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các Phòng, Ban, ngành trong tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét, giải quyết kịp thời, đồng bộ các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường trong thời gian đến.

Cần xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và chủ yếu, theo chức năng, nhiệm vụ, từng cơ quan, đơn vị, địa phương; từ đó, chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp, chuẩn bị nguồn lực để tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra theo Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy, cụ thể:

**1. Đến năm 2025**

- Tỷ lệ sản xuất dưới các hình thức liên kết đạt từ 20% giá trị sản phẩm các loại cây trồng. Sản xuất theo các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương đạt 10%.

- Tỷ trọng chăn nuôi đạt trên 40% trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại chiếm hơn 20% tổng đàn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 39% trở lên. Có 100 ha diện tích đất rừng trồng sản xuất được cấp giấy chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của quản trị rừng quốc tế (FSC).

- Ứng dụng cơ giới hóa vùng tập trung chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa trên 95%. Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới khoa học, tưới tiết kiệm đạt trên 50%.

- Có 100% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có ít nhất 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và ít nhất 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, có trên 40% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu. Đến năm 2025 hoàn thành các tiêu chí công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,5 lần trở lên so với năm 2020.

- Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55% trở lên.

- Trên địa bàn nông thôn không còn nhà tạm.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% trở lên; trong đó, sử dụng nước sạch đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số ở nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; 100% xã được phủ sóng 4G, 100% xã có mạng cáp quang, 70% xã đã đạt chuẩn NTM là xã thông minh (theo bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã).

## **2. Định hướng đến năm 2030**

- Tỷ lệ sản xuất dưới các hình thức liên kết đạt từ 50% giá trị sản phẩm các loại cây trồng. Sản xuất theo các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương đạt 30%.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại chiếm hơn 40% tổng đàn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 40%. Có 200ha diện tích đất rừng trồng sản xuất được cấp giấy chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của quản trị rừng quốc tế (FSC).

- Ứng dụng cơ giới hóa trên vùng tập trung chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa trên 98%. Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới tiêu khoa học, tưới tiết kiệm đạt trên 70%.

- Phấn đấu đến năm 2030 đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao. Có trên 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và trên 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, có trên 70% số thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 02 lần trở lên so với năm 2020.

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của việc phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn gắn với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới**

- Nghiên cứu, triển khai các giải pháp, phương thức tuyên truyền, quán triệt phù hợp, hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, mọi tầng lớp Nhân dân về vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn gắn với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới.

- Chú trọng tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, cụ thể hơn nữa nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (viết tắt là Kết luận số 54-KL/TW); Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (viết tắt là Kết luận số 70-KL/TW); Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW; Kết luận số 24-KL/TU ngày 27/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 Khóa XXI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/9/2011; Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị (viết tắt là Kế hoạch số 314-KH/TU); Kết luận số 699-KL/TU ngày 17/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện quy hoạch và định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 (viết tắt là Kết luận số 699-KL/TU); Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy...

### **2. Áp dụng cơ chế chính sách đầu tư, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn**

- Các cơ quan, ban, ngành khẩn trương rà soát, tham mưu UBND huyện tranh thủ kịp thời các cơ chế, chính sách tạo động lực mạnh mẽ, sớm hiện thực hóa chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện đồng bộ, xuyên suốt và nhất quán trong quá trình chỉ đạo xây dựng NTM cùng với các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo động lực cho doanh nghiệp và nâng cao trách nhiệm, hiệu quả đầu tư vào nông nghiệp trong lĩnh vực sản xuất xanh sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, thông minh, chế biến sâu, sản xuất máy móc phục vụ nông nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các cơ chế, chính sách đã được ban hành, có tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất, văn hóa - xã hội và môi trường của người dân vùng nông thôn. Xây dựng, thực thi cơ chế lồng ghép các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên cơ sở huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thực hiện có hiệu quả nhằm tạo nền tảng, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng công cộng (giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...), vừa phục vụ dân sinh vừa đảm bảo gắn với việc phòng, chống thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, làm kho bảo quản, dự trữ lương thực thực phẩm...

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch số 314-KH/TU, Kết luận số 699-KL/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 3973/KH-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy; Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng huyện Quế Sơn giai đoạn 2021-2025.

### **3. Phát triển nông nghiệp toàn diện, thích ứng với biến đổi khí hậu; nông nghiệp tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học**

**3.1** Xây dựng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình gắn với hệ thống canh tác bền vững và tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích cho từng vùng, từng loại cây trồng. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình canh tác nông - lâm kết hợp bền vững trên đất dốc, mô hình kinh tế vườn, trang trại; ứng dụng một số mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh; phát triển, nhân rộng các mô hình khởi nghiệp có hiệu quả.

**3.2** Tăng cường cơ giới hóa, áp dụng tưới nước khoa học và các tiến bộ công nghệ mới vào sản xuất.

Đẩy nhanh ứng dụng cơ giới hóa vùng chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa, đảm bảo đến năm 2025 tỷ lệ cơ giới hóa ở các vùng này đạt trên 95%, đến năm 2030 đạt trên 98%. Nghiên cứu, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, khai thác gỗ rừng trồng. Triển khai thực hiện cơ chế chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp nhằm đạt tỷ lệ ứng dụng như trên.

Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm: Đến năm 2025, tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới tiết kiệm đạt trên 50%, đến năm 2030 đạt trên 70%. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ thông minh trong trồng trọt, nhất là trong sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, dược liệu...

Chuyên giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong các khâu giống, chăm sóc nuôi dưỡng, dự trữ, chế biến thức ăn, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường. Khuyến khích hình thành các cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo hướng ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý chăn nuôi, nhất là các cơ sở sản xuất con giống. Đẩy mạnh thực hiện số hóa, chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý chăn nuôi.

Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có; bảo tồn đa dạng sinh học. Nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững và quản lý chuỗi hành trình chế biến gỗ và lâm sản. Đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến. Chú trọng các loại cây lấy gỗ lớn có giá trị cao, cây bản địa, các sản phẩm ngoài gỗ (mây, dược liệu...). Thực hiện bảo vệ các rừng phòng hộ đầu nguồn. Tập trung giao đất, giao rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng.

**3.3** Hình thành các khu nông nghiệp từng bước ứng dụng công nghệ cao (vùng chuyên canh lúa chất lượng cao tại các xã Quế Xuân 1, Quế Xuân 2, Quế Phú, vùng chuyên canh các loại rau, màu tại xã Quế Thuận, Quế An,...).

**4. Chuyển đổi nhận thức về tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp:** Chuyển đổi mạnh mẽ từ nhận thức tới hành động phát triển nền nông nghiệp bền vững theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái thông qua việc áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không gây ảnh hưởng tới môi trường sức khỏe con người; chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế của các hệ thống nông nghiệp; phát huy tính đa dạng, giá trị văn hóa của hệ thống nâng cao giá trị, hiệu quả vẫn bảo vệ, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Chuyển đổi tư duy của nông dân về phát triển kinh tế nông nghiệp, tập trung nâng cao giá trị, chất lượng, hiệu quả sản xuất thông qua ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ và thành tựu khoa học công nghệ áp dụng vào thực tiễn trong lĩnh vực nông nghiệp.

**4.1** Đẩy mạnh liên kết sản xuất, sản xuất giống trên các lĩnh vực ngành. Tăng cường hơn nữa công tác xúc tiến thương mại, cải cách thủ tục hành chính để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với thị trường tiêu thụ.

- Phát triển các chuỗi liên kết sản xuất giống lúa hiện có. Tiếp tục hình thành các liên kết sản xuất giống cây trồng mới trong sản xuất giống cây ăn quả, cây dược

liệu; xúc tiến xây dựng mới các chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ cho các loại cây trồng nằm trong Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh như: Lúa, ngô, cây ăn quả (mãng cầu, cam, bưởi...), cây dược liệu (sâm Ngọc Linh, ba kích, đảng sâm, sa nhân...).

- Khuyến khích xây dựng cơ sở chăn nuôi chuyên cung cấp giống gia cầm cao sản trên địa bàn; hỗ trợ hình thành các cơ sở cung cấp giống gà bản địa quy mô nhỏ trong dân để cung cấp kịp thời con giống tại chỗ có chất lượng cho người chăn nuôi. Phát triển chăn nuôi theo các chuỗi liên kết từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã, các hội nghề nghiệp... tham gia liên kết đầu tư, kết nối thị trường nhằm kiểm soát tốt chất lượng, an toàn thực phẩm và điều tiết cung cầu của thị trường sản phẩm chăn nuôi.

- Nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững và quản lý chuỗi hành trình chế biến gỗ và lâm sản. Đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến gỗ. Thực hiện chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, khuyến khích trồng rừng cây gỗ lớn cây bản địa, cây đa mục đích, chuyển hóa rừng sản xuất dăm gỗ sang kinh doanh gỗ lớn; phấn đấu phát triển diện tích rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng (FSC) 100 ha đến năm 2025, đến năm 2030 diện tích rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của quản trị rừng quốc tế (FSC) đạt khoảng 200 ha (tập trung thực hiện tại các xã, thị trấn có diện tích rừng sản xuất lớn: Quế Xuân 2, Quế Hiệp, Quế Mỹ, Quế Thuận, thị trấn Đông Phú,...).

**4.2** Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tăng nhanh diện tích, sản lượng theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

- Trong trồng trọt, tập trung phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và có nhu cầu lớn, ổn định phục vụ thị trường trong nước như sản xuất lúa giống, rau, quả, dược liệu. Áp dụng kỹ thuật tiên bộ, công nghệ cao để nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho nông dân và phát triển bền vững hơn. Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ. Hình thành các vùng chuyên canh đồng bộ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ, phát triển công nghiệp chế biến. Triển khai Kế hoạch “*Chuyển đổi cơ cấu cây trồng giai đoạn 2021 - 2025*” nhằm chuyển đổi diện tích sản xuất lúa năng suất thấp, bấp bênh sang phát triển các sản phẩm nông nghiệp có năng suất, chất lượng cao.

- Trong chăn nuôi, phát triển các ngành hàng có thị trường và có tiềm năng như thịt gia cầm, trứng, nuôi lợn, bò; phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao đảm bảo bền vững môi trường, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và ATTP. Phát triển chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, khuyến khích chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống có cải tiến theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Bố trí quỹ đất dành cho chăn nuôi và trồng cây thức ăn chăn nuôi tập trung ở các vùng xa khu dân cư và mật độ dân số thấp, đảm bảo xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh.



- Trong lâm nghiệp, tập trung bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, trước hết là rừng phòng hộ đáp ứng mục tiêu môi trường và kết hợp du lịch (Khu du lịch suối Nước Mát-Đèo Le, khu du lịch Suối Tiên,...). Nâng cao hiệu quả rừng sản xuất, đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và hình thành vùng nguyên liệu tập trung có quy mô vừa và lớn, đạt tiêu chuẩn bền vững.

**4.3** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất và hợp tác xã, thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ*), trong đó, ưu tiên các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ nông sản, thích ứng với cơ chế thị trường; thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp. Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển HTX trên địa bàn huyện nhằm hỗ trợ hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, sản xuất; nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh trên thị trường thông qua việc thu hút lực lượng lao động trẻ có trình độ, tâm huyết vào làm việc, khởi nghiệp, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị... Kiểm soát chặt chẽ việc thành lập, hoạt động đảm bảo theo Luật; rà soát giải thể những HTX yếu kém, ngừng hoạt động lâu ngày; nâng cao trách nhiệm, phát huy vai trò của các thành viên trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất; tiếp tục huy động nguồn vốn góp của các thành viên để nâng cao năng lực tài chính; chủ động tìm kiếm thị trường, đối tác trên các nền tảng thương mại điện tử...

**4.4** Tập trung phối hợp rà soát quy hoạch vùng huyện, xã nông thôn mới và các quy hoạch liên quan để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sắp xếp và ổn định dân cư, quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, quy hoạch phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, làng nghề, làng nghề truyền thống... Nội dung quy hoạch sản xuất nông nghiệp cần đảm bảo khai thác hiệu quả các lợi thế tiềm năng từng vùng. Trong đó, chú trọng hình thành, phát triển thành các khu vực sản xuất tập trung, quy mô lớn. Đối với khu vực đồng bằng (các xã Quế Xuân 1, Quế Xuân 2, Quế Phú và thị trấn Hương An) định hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ, sinh học, ứng dụng công nghệ cao... Quy hoạch bố trí, sắp xếp dân cư phải có đủ điều kiện về đất ở, đất sản xuất, đảm bảo quỹ đất dự phòng đáp ứng nhu cầu về gia tăng dân số, thuận lợi trong việc kết nối các hạ tầng điện, giao thông, y tế, giáo dục, nguồn nước; phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân... Công tác sắp xếp, bố trí phải được thực hiện theo thứ tự ưu tiên, trước nhất là các hộ gia đình bị uy hiếp bởi thiên tai cần di dời khẩn cấp; các hộ dân ở khu vực bảo vệ của rừng phòng hộ. Việc bố trí dân cư chủ yếu được thực hiện trên địa bàn nội bộ xã để cự ly di chuyển ngắn, tránh xáo trộn về đời sống và sản xuất; bố trí theo hình thức xen ghép là chủ yếu hoặc mở

rộng các khu dân cư hiện có. Trường hợp thật cần thiết mới san lấp mặt bằng xây dựng các khu mới, tuy nhiên phải đảm bảo các giải pháp về kỹ thuật, hạn chế thấp nhất việc thay đổi kết cấu tự nhiên gây nguy cơ sạt lở và phải hướng tới hình thành các điểm dân cư theo tiêu chí nông thôn mới.

#### 4.5 Tổ chức hoạt động xúc tiến và hỗ trợ thu hút doanh nghiệp

- Xây dựng hệ thống kết nối thương mại từ sản xuất, tiêu thụ và chế biến trong chuỗi giá trị thông qua tổ chức thành mối liên kết chính thức để đẩy mạnh thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện gắn kết hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất an toàn, vệ sinh thực phẩm theo cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Tăng cường cải thiện môi trường, xúc tiến đầu tư, cải cách hành chính, tạo quỹ đất “sạch”... Đẩy mạnh việc thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến nông sản... hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh gắn bó lâu dài trên địa bàn.

#### 4.6 Tăng cường tích tụ, liên kết sản xuất

- Triển khai thực hiện các cơ chế hỗ trợ phù hợp cho doanh nghiệp trong việc liên kết sản xuất, tích tụ ruộng đất, gắn với việc xây dựng sản xuất tập trung và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Thúc đẩy tích tụ ruộng đất, liên kết sản xuất, đẩy mạnh việc phát triển các trang trại, nông trại, hợp tác xã có quy mô lớn để tận dụng vốn và công nghệ tập trung, đáp ứng yêu cầu xây dựng các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao. Thông qua việc tháo gỡ về chính sách đất đai để nhanh chóng hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh.

- Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng “cánh đồng lớn”, nhất là đối với một số sản phẩm có giá trị hàng hóa cao có lợi thế theo thị trường. Xây dựng và hỗ trợ liên kết sản xuất để hình thành những cánh đồng lớn, vùng sản xuất cây trồng chủ lực, có thế mạnh của địa phương gắn với sản xuất hàng hóa có thương hiệu theo chuỗi.

- Xây dựng và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất các loại cây trồng ưu tiên với quy mô lớn, gắn sản xuất, tiêu thụ, chế biến và xây dựng thương hiệu các sản phẩm hàng hóa theo chuỗi.

#### 4.7 Phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyên gia khoa học công nghệ, huy động sự tham gia các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vào các hoạt động khoa học công nghệ; tăng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực

và khuyến nông. Hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyên gia và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chọn lọc các giống cây trồng, vật nuôi, hệ thống canh tác thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, các công thức luân canh cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng...

- Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực để tạo bước đột phá để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó đẩy mạnh các chương trình đào tạo nghề cho nông dân, thanh niên nông thôn, các lớp tập huấn, mô hình sản xuất mới, tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm...

**4.8** Huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng đầu tư phát triển các công trình thủy lợi, nhất là thủy lợi cho cây trồng cạn, giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, cơ sở sơ chế, chế biến nông sản gắn liền với quy hoạch, phát triển nông thôn. Tập trung đầu tư tại các vùng đã tích tụ ruộng đất để đào tạo kỹ thuật, cung cấp công nghệ về giống, chăm sóc, thu hoạch. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên cơ sở huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thực hiện có hiệu quả nhằm tạo nền tảng, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng công cộng (giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...), vừa phục vụ dân sinh vừa đảm bảo gắn với việc phòng, chống thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, làm kho bảo quản, dự trữ lương thực thực phẩm...

## **5. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

**5.1** Áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ nguồn lực xây dựng NTM phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước để hoàn thiện các tiêu chí NTM; lồng ghép nguồn vốn đầu tư các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn để tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của huyện, xã theo quy hoạch; tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các Sở, ngành tỉnh trong việc ưu tiên bố trí, lồng ghép các dự án đầu tư trên địa bàn huyện. Chủ động kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ xây dựng NTM, nhất là phát huy nguồn lực của người Quê Sơn trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện phong trào xây dựng NTM.

**5.2** Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng đảm bảo việc làm và tăng thu nhập, giảm nghèo cho dân cư nông thôn

- Khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn, nhất là các Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn; có chính sách ưu đãi cho Doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn.

- Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống (làng nghề Chổi Đót thôn Thanh Hòa, xã Quế Xuân 1; làng nghề phở sắn thị trấn Đông Phú; làng nghề nón lá xã Quế Minh,...), tạo ra nhiều việc làm; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống, tăng thu nhập cho người dân nông thôn từ các ngành nghề phi NN. Thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, hình thành các sản phẩm OCOP có giá trị thương hiệu cao và sản lượng sản phẩm lớn (Bánh dứa nướng Quý Thu, Phở sắn Caromi, Nếp đắng Lộc Đại, Khoai chà Quế Mỹ, kẹo đậu phộng Ngọc Hải, phở gạo,...).

- Phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn, khai thác lợi thế tiềm năng cảnh quan, môi trường sinh thái, đa dạng văn hóa truyền thống.

### 5.3 Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại, bảo tồn giữ gìn văn hóa bản địa

- Điều chỉnh quy hoạch NTM, quy hoạch sắp xếp lại nhà ở dân cư nông thôn, vùng sản xuất, hạ tầng cơ sở.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững. Phát triển cảnh quan nông thôn bền vững gắn với phát triển làng thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; gìn giữ, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch; khơi dậy, phát triển các giá trị chuẩn mực của con người Quế Sơn trong giai đoạn mới. Quá trình đầu tư, xây dựng NTM cần đảm bảo các tiêu chí về bảo vệ môi trường. Đẩy nhanh phát triển các đường hoa, đường cây xanh bóng mát, đẩy mạnh công tác thu gom, phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn bằng chế phẩm sinh học; xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, góp phần phát triển nông thôn thành các “*Vùng quê đáng sống*”, “*Làng quê thuần Việt*”...

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tạo thuận lợi cho phát triển mô hình cộng đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường nông thôn, đẩy mạnh xử lý chất thải tại nguồn; thu hút đầu tư khu xử lý rác tập trung của huyện; phát triển các mô hình hiệu quả xử lý nước thải quy mô hộ, thôn.

### 5.4 Nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, đảm bảo an sinh cho người dân nông thôn

- Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội cho khu vực nông thôn. Nâng cao hiệu quả của y tế cộng đồng cấp xã đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và nâng cao

chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn, đầu tư CSHT, chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn. Xây dựng chương trình đào tạo, tuyển dụng và thu hút tài năng về lập nghiệp ở nông thôn ở cả khu vực công và khu vực tư. Xây dựng chương trình đào tạo lại nghề, bố trí việc làm cho lao động công nghiệp trở lại nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo.

- Tăng cường công tác giảm thiểu rủi ro cho người dân nông thôn, nhất là vùng dễ bị tổn thương. Phân đấu chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH, giảm thiểu tổn thất về người và tài sản của Nhà nước, Nhân dân. Hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy và xây dựng lực lượng phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp theo hướng chuyên nghiệp, đủ năng lực để triển khai đồng bộ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn đảm bảo yêu cầu chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả khẩn trương, hiệu quả và tái thiết tốt hơn. Nâng cao nhận thức, hiểu biết về rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kết hợp xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu và áp lực của quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Tạo sự quan tâm, tham gia của các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong công tác phòng, chống thiên tai.

## **6. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp**

- Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ phục vụ chuyển đổi số, tập trung vào quản lý đất nông nghiệp, quản lý sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan Nhà nước các cấp và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh, mô hình quản lý vùng chuyên canh, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để cung ứng sản phẩm trực tiếp từ nơi cung ứng đến người bán lẻ nhằm giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch và đảm bảo ATTP.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo thiên tai, dịch bệnh; dự báo thị trường.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và UBND xã, thị trấn tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các mục tiêu tại Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 72-KH/HU ngày 18/01/2022 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ liên quan về: Định hướng quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp; tham mưu xây dựng các Chương trình, Đề án, Kế hoạch; tham mưu tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách liên quan trên lĩnh vực nông-lâm nghiệp, các chính sách liên quan về phát triển nông thôn trên địa bàn huyện.

Tham mưu chỉ đạo, thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

Tham mưu tổ chức thực hiện tốt chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các chính sách về phát triển kinh tế tập thể.

Chủ trì theo dõi, cập nhật tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND huyện chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc; công tác tổng kết, đánh giá kết quả, hiệu quả triển khai thực hiện các nội dung liên quan.

## **2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện**

Thực hiện tích hợp các quy hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp vào Quy hoạch vùng huyện Quế Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các quy hoạch không thuộc danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành theo quy định của Luật Quy hoạch.

Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025, hệ thống chỉ tiêu phát triển ngành đảm bảo phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện giai đoạn 2021-2025.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện triển khai hiệu quả các Chương trình, nhiệm vụ KHCCN và các chương trình khoa học công nghệ khác hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

## **3. Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện**

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu phân bổ, bổ sung dự toán kinh phí sự nghiệp trung ương, tỉnh cho các địa phương để thực hiện các cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án giai đoạn 2021-2025 trong Chương

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các chương trình phát triển kinh tế nông thôn; phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu đề xuất tăng cường nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho phát triển bền vững nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của hệ thống quản lý ngành nông nghiệp, nông thôn để thực hiện Chiến lược, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Tham mưu cân đối vốn và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; chú trọng các công trình phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; các chương trình phát triển kinh tế nông thôn.

**4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, đánh giá hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn thời gian qua; rà soát, nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (DN, cơ sở kinh doanh, HTX...). Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp.

**5. Phòng Tài nguyên và Môi trường:** Chủ trì, phối hợp với các phòng, ngành có liên quan tham mưu triển khai thực hiện các cơ chế khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chuyên canh với quy mô lớn; triển khai hiệu quả các chương trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn.

**6. Phòng Văn hóa và Thông tin:** Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hỗ trợ phát triển, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới và sản phẩm của Chương trình OCOP; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

**7. Các cơ quan, ban, ngành liên quan:** Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện trong tổ chức thực hiện Kế hoạch. Tham mưu UBND huyện về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

**8. Đề nghị UBNDTTQVN huyện và các Hội, đoàn thể huyện:** Tổ chức tuyên truyền, vận động hội, đoàn viên thực hiện tốt các chủ trương của Nhà nước. Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của

hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết. Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, các ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, HTX, doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

**9. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:** Căn cứ các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng Kế hoạch phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của Tỉnh đã ban hành. Bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

Hằng năm, đề nghị các cơ quan, ban, ngành, địa phương triển khai sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ có so sánh với mục tiêu đề ra để từ đó có các giải pháp phù hợp đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch. Kết thúc giai đoạn (cuối năm 2025) tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn mới. Trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, ban, ngành, địa phương kịp thời báo cáo về UBND huyện để xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./-